

BẢN MÔ TẢ

**Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp
lên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**
*(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKT ngày 04/12/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)*

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non (Pre - School Education).

Trình độ đào tạo : Cao đẳng (liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng)

Ngành đào tạo : Giáo dục Mầm non

Mã ngành : 51140201

Loại hình đào tạo: Liên thông vừa làm vừa học

1. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

1.1. Tên gọi của văn bằng: Cao đẳng Giáo dục Mầm non.

1.2. Phương thức đào tạo: Theo phương thức tích lũy tín chỉ.

1.3. Thời gian đào tạo: 1,5 năm.

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng số tín chỉ): 50 tín chỉ
(chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất).

1.5. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm Mầm non.

1.6. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

1.7. Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quyết định số 1310/QĐ-CDKT ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) theo phương thức tích lũy tín chỉ.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- d) Đảm bảo chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định trong chương trình đào tạo, cụ thể: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

1.9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các trường mẫu giáo, trường mầm non công lập, dân lập, tư thục và các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, nhóm, lớp mầm non độc lập tư thục, dân lập.
- Quản lý nhóm/lớp mầm non. Quản lý trường mầm non/chủ nhóm lớp (sau khi học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý và đảm bảo các điều kiện theo quy định).
- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ GDMN tại các tổ chức, đoàn thể liên quan đến công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

1.10. Khả năng học tập nâng cao trình độ

- Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp.
- Đủ điều kiện liên thông lên đại học ngành GDMN.
- Học văn bằng 2 các chuyên ngành có liên quan.
- Học sau đại học ngành GDMN hoặc Quản lý Giáo dục sau khi đã hoàn thành Đại học ngành GDMN hoặc các ngành có liên quan.

2. Mục tiêu Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân cao đẳng ngành GDMN có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có hiểu biết cơ bản, hệ thống về sự phát triển của trẻ; tổ chức và phát triển chương trình GDMN hiệu quả; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn GDMN; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của GDMN; có khả năng học tập, bồi dưỡng

trình độ chuyên môn cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- PO1: Trình bày và ứng dụng được hệ thống kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- PO2: Trình bày được kiến thức khoa học cơ bản, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành và ứng dụng được vào tổ chức các hoạt động ở các cơ sở GDMN.

- PO3: Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN; phân tích và đánh giá được chương trình, các hoạt động GDMN.

2.2.2. Kỹ năng

- PO4: Nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển về thể chất, tâm lý của trẻ.

- PO5: Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; phát triển chương trình GDMN phù hợp với văn hoá điều kiện của địa phương và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; thực hiện thành thạo kỹ năng truyền đạt, kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO6: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

PLO 01: Trình bày được những kiến thức chung về chính trị, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu công việc của người giáo viên mầm non.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

PLO 02: Trình bày được kiến thức cơ sở ngành, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành; ứng dụng được những kiến thức cơ bản về tâm lý, giáo dục trẻ, công nghệ thông tin vào việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- PLO 03: Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành và cập nhật những thành tựu mới của GDMN vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

+ Ứng dụng được những kiến thức chuyên ngành về lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc, phát triển ngôn ngữ, hoạt động tạo hình, phát triển vận động, xây dựng và phát triển chương trình, đánh giá trong GDMN... vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;

+ Ứng dụng được một số kiến thức trong những kiến thức chuyên ngành (bổ trợ, tự chọn): Giáo dục hòa nhập; phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến... vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN;

+ Phân tích, đánh giá được chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non trên cơ sở tích lũy các khối kiến thức trên.

- PLO 04: Ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- PLO 05: Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo

+ Phát hiện, phân tích và giải quyết được vấn đề trong quá trình nghiên cứu, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- PLO 06: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giáo viên mầm non

+ Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; ứng dụng được kiến thức về bệnh học và đảm bảo an

toàn cho trẻ để phòng tránh, chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ; hướng dẫn trẻ bước đầu biết cách tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân;

+ Tổ chức được các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả;

+ Phát triển chương trình GDMN phù hợp văn hoá, điều kiện của địa phương và tổ chức thực hiện.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- PLO 07: Kỹ năng truyền đạt

+ Sử dụng thành thạo phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp với các đối tượng khác nhau;

+ Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp;

+ Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp.

- PLO 08: Sử dụng ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO 09: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Tuân thủ các quy định và rèn luyện đạo đức nhà giáo; yêu nghề, mến trẻ; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và xây dựng phong cách nhà giáo;

+ Có ý thức chủ động, làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm trong môi trường GDMN hiện đại;

+ Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, linh hoạt, năng động, sáng tạo, thích ứng để giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- PLO 10: Hướng dẫn, hỗ trợ những người khác thực hiện nhiệm vụ; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

+ Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và phụ huynh trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- PLO 11: Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Tự đánh giá chất lượng thực hiện công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân;

+ Đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

4. Quan hệ giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo										
	PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
PO1	X										
PO2		X									
PO3			X	X							
PO4					X						
PO5						X	X	X			
PO6									X	X	X

5. Ma trận quan hệ giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs
------------	--------------------	---------------------	---

			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương												
1	64044003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2				2		2		2		2
2	64042001	Giáo dục thể chất	2				2		2		2		2
3	64012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	4				2		2		2		2
4	64012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4				2		2		2		2
5	64012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4				2		2		2		2
6	64282095	Tiếng Anh nâng cao	3							3	2		3
7	64082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	2	3		2	2			3	3	2
II	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp												
II.1	Kiến thức cơ sở ngành												
8	64082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2	3	3		3	2	4		3	2	3
9	64082007	Giáo dục học mầm non	2	3	3		2	3	2		3	3	4
10	64062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	3			3		3		3		2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
11	64272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	1	3	3	4		4	2		3	2	4
II.2	<i>Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành</i>												
12	64092003	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình			3		4	4	4		3	3	3
13	64092004	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	2	3	3	3	4			3	3	3
14	64092005	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	2	2	3	3	3	4	3		3	3	3
15	64092006	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học			3		4	4	4		3	3	3
16	64092007	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán			3		4	4	4		3	3	3
17	64092008	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh			3		4	4	4		3	3	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
18	64092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	3	3	3	3	4	4	3	2	3	3	4
19	64092009	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động.		2	3	3	3	4	3		3	4	3
20	64092012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	2	3	3	3	4			3	3	3
21	64092015	Đánh giá trong GDMN	2	3	4	3	4	4	4	2	4	3	3
II.3	Khối kiến thức bổ trợ												
	<i>Bắt buộc</i>												
22	64092026	Giáo dục hòa nhập	2	2	3	3	3	3	3		3	4	3
23	64082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến		2	3		3		4		3		4
	<i>Tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần sau)</i>												
24	64092014	Quản lý GDMN			3		4	4	4		3	3	3
25	64092030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	2	2	3	3	4	4			3	3	3
26	64092016	Nghề giáo viên mầm			3		4	4	4		3	3	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		non											
27	64092036	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số.	3	3	3	3	2	4	4		3	3	3
II.4	Tốt nghiệp												
28	64092021	Thực tập tốt nghiệp			3		4	4	4		3	3	3
29	64094022	Khóa luận tốt nghiệp			3		4	3	3		3	4	3
	<i>(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)</i>												
30	64082019	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2		3		2		4		3	3	4
31	64092039	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non .		2	3		2	3	4		3		2

Ghi chú:

- Các mức độ (cấp độ) kiến thức (Từ PLO 01 đến PLO 04): 1. Biết, 2. Thông hiểu, 3. Vận dụng, 4. Phân tích, 5. Tổng hợp, 6. Đánh giá (theo thang Bloom cải tiến).

- Các mức độ (cấp độ) kỹ năng (Từ PLO 05 đến PLO 08): 1. Nhận biết, thiết lập, 2. Làm theo hướng dẫn, 3. Tự làm đúng, 4. Thành thạo, 5. Thích ứng, 6. Sáng chế (theo thang Simpson).

- Các mức độ (cấp độ) năng lực tự chủ và trách nhiệm (Từ PLO 09 đến PLO 11): 1. Tiếp nhận, 2. Phản hồi, 3. Đánh giá, 4. Tổ chức, 5. Ứng xử (theo thang Krathwohl)

6. Ma trận kỹ năng



7. Nội dung Chương trình

7.1. Tên và khối lượng các khối kiến thức

TT	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
7.1.1	I. Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh)	05 HP	10 TC
7.1.2	II. Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp	23 HP	40 TC
	- Kiến thức cơ sở ngành	04 HP	8 TC
	- Kiến thức chuyên ngành	10 HP	20 TC
	- Kiến thức bổ trợ		
	Bắt buộc	02 HP	4 TC
	Tự chọn (Chọn 1 học phần)	04 HP	02 TC
	- Tốt nghiệp	03 HP	06 TC
Tổng số học phần, tín chỉ toàn khóa (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh)		28 HP	50 TC

Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương (10 tín chỉ): Bao gồm các học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo; Tiếng Anh nâng cao; nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, pháp luật để phục vụ hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp (40 tín chỉ) bao gồm các kiến thức:

- **Kiến thức cơ sở ngành (8 tín chỉ):** Bao gồm các học phần: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non; Giáo dục học mầm non; Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm; Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN.

- **Kiến thức chuyên ngành (20 tín chỉ):** Bao gồm các học phần: Lí luận

và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình; Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc; Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ; Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học; Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán; Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh; Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động; Những Phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN; Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; Đánh giá trong GDMN, với mục tiêu giúp hình thành kỹ năng chuyên sâu cho người học để người học vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN.

- **Kiến thức bổ trợ - bắt buộc (4 tín chỉ):** Bao gồm các học phần: Giáo dục hòa nhập; Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến, với mục tiêu bổ trợ thêm kiến thức, năng lực nghiên cứu khoa học, làm sáng kiến để người học có thể nâng cao năng lực lao động hiệu quả.

- **Kiến thức, kỹ năng bổ trợ - tự chọn (2 tín chỉ):** Bao gồm các học phần: Quản lý GDMN; Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non; Nghề giáo viên mầm non; Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số, mang đến cho sinh viên cơ hội nâng cao những kiến thức, kỹ năng đã có, bổ trợ thêm kiến thức, kỹ năng để người học có thể thích ứng với môi trường làm việc năng động và hiện đại.

- **Tốt nghiệp (6 tín chỉ):** Đây cũng là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo. Để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải Thực tập tốt nghiệp, hoàn thiện Khoá luận tốt nghiệp và bảo vệ trước hội đồng hoặc chọn học và thi hai học phần thay thế thi tốt nghiệp gồm học phần: Giao tiếp sư phạm; Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non.

Các khối kiến thức, kỹ năng được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

7.2. Khung Chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp		Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH	

1	2	3	4	5	6	7	9
I.	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương		10 (16)		105 (131)	75 (199)	
1	64044003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	2	26	64	
2	64042001	Giáo dục thể chất	2	1		60	
3	64012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	2	1	25	5	không
4	64012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	25	5	64012001
5	64012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	15	30	64012003
6	64082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	2	25	5	không
7	64282095	Tiếng Anh nâng cao	2	1	15	30	không
II.	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp		40		345	510	
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		8		80	70	
8	64082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2	1	15	30	không
9	64082007	Giáo dục học mầm non	2	2	25	5	64082037
10	64062002	Văn học thiếu nhi và	2	1	25	5	không

		đọc diễn cảm					
11	64272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	2	1	15	30	không
II.2	Kiến thức chuyên ngành		20		160	275	
12	64092003	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	3	15	30	64082007
13	64092004	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	2	15	30	64082037
14	64092005	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	2	3	15	30	64062002
15	64092006	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Làm quen văn học	2	3	15	30	64062002
16	64092007	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	2	4	15	30	64082037
17	64092008	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	4	15	30	64082007
18	64092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	2	2	15	30	64082007

19	64092009	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	2	3	15	30	64082037
20	64092012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN	2	2	15	30	64082037
21	64092015	Đánh giá trong GDMN	2	3	25	5	64082007
II.3 Kiến thức bổ trợ							
	<i>Bắt buộc</i>		4	0	50	10	
22	64092026	Giáo dục hòa nhập	2	2	25	5	64082037
23	64082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	2	1	25	5	không
	<i>Tự chọn (Chọn 1 trong 4 học phần sau)</i>		2		15	30	
24	64092014	Quản lí GDMN	2	4	25	5	
25	64092030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	2	4	15	30	
26	64092016	Nghề giáo viên mầm non	2	4	15	30	64082037
27	64092036	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số.	2	4	25	5	64082037
II.4 Tốt nghiệp			6		40	125	

28	64092021	Thực tập tốt nghiệp	2	4		90	không
29	64094022	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)/ Học phần thay thế KLTN.	4	4			
<i>(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)</i>							
30	64082019	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2	4	25	5	không
31	64092039	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non .	2	4	15	30	không
Tổng số tín chỉ toàn khoá <i>(chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)</i>			50		450	580	
Tổng số tín chỉ toàn khoá <i>(tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)</i>			56		476	709	

8. Kế hoạch giảng dạy

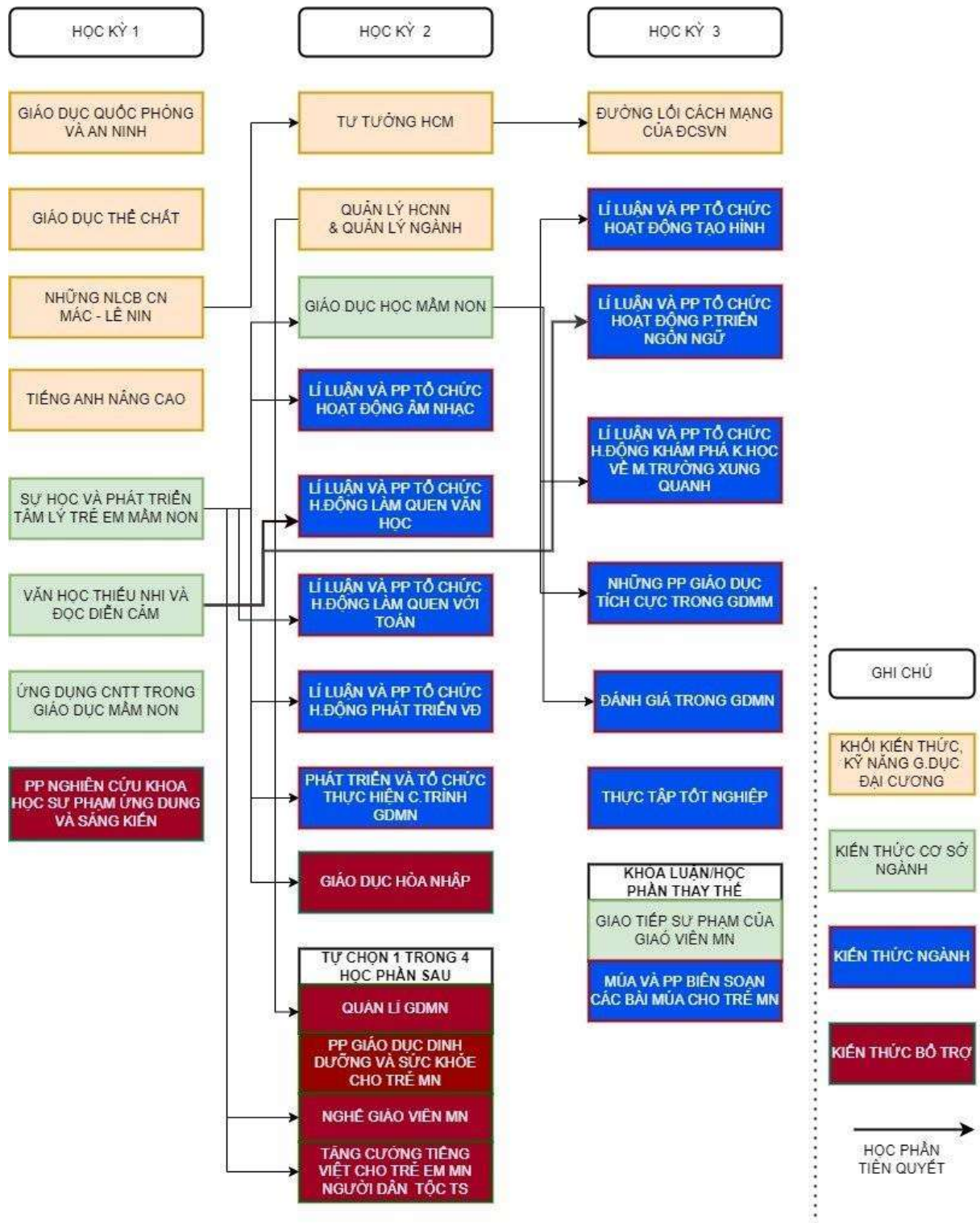
TT	Mã HP	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ		
				HK 1	HK 2	HK 3
1	2	3	4			
I.	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương		10 (16)			
1	64048003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	4		
2	64043001	Giáo dục thể chất	2	2		

3	64012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	2	2		
4	64012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2	
5.	64012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2
6	64082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2		2	
7	64282095	Tiếng Anh nâng cao	2	2		
II.	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp		40			
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		8			
8	64082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	2	2		
9	64082007	Giáo dục học mầm non	2		2	
10	64062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	2		
11	64272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	2	2		
II.2	Kiến thức ngành		20			
12	64092003	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2			2
13	64092004	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2		2	
14	64092005	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	2			2

15	64092006	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Làm quen văn học	2		2	
16	64092007	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	2		2	
17	64092008	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2			2
18	64092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	2			2
19	64092009	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	2		2	
20	64092012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2		2	
21	64092015	Đánh giá trong GDMN	2			2
II.3	Kiến thức bổ trợ		6			
	Bắt buộc		4			
22	64092026	Giáo dục hòa nhập	2		2	
23	64082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	2	2		
	Tự chọn (<i>Chọn 1 trong 2 học phần sau</i>)		2			
24	64092014	Quản lí GDMN	2		2	
25	64092030	Phương pháp giáo dục	2		2	

		dinh dưỡng và sức khoẻ cho trẻ mầm non.				
26	64092016	Nghề giáo viên mầm non	2		2	
27	64092036	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số.	2		2	
II.4	Tốt nghiệp		6			
28	64094021	Thực tập tốt nghiệp	2			2
29	64095022	Khóa luận tốt nghiệp / Học phần thay thế.	4			4
	<i>(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)</i>					
30	64082019	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2			2
31	64092039	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non	2			2
Tổng số tín chỉ toàn khoá <i>(chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)</i>			50	12	20	18
Tổng số tín chỉ toàn khoá <i>(tính Giáo dục quốc phòng và an ninh và Giáo dục thể chất)</i>			56	18	20	18

9. Kế hoạch học tập



10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

I. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1. Giáo dục quốc phòng và an ninh

4TC: (LT 26; TH: 64).

Học phần tiên quyết: Không.

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên liên thông từ trung cấp lên

cao đẳng sư phạm là môn học chính khóa.

Sinh viên có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung học phần gồm 2 phần: thời lượng 90 tiết gồm

- Công tác quốc phòng và an ninh
- Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

2. Giáo dục thể chất

2TC: (LT 0; TH: 60).

Học phần tiên quyết: Không.

Giáo dục thể chất là học phần điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Nội dung Giáo dục thể chất tập trung chủ yếu 2 chuyên đề:

- Chuyên đề Điền kinh: giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật chạy cự ly ngắn 80-100m, nhảy xa kiểu uốn thân, nhảy cao kiểu úp bụng; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền kinh.
- Chuyên đề Bóng chuyền: trang bị cho người học tư thế chuẩn bị và di chuyển; kỹ thuật chuyền bóng, phát bóng, chắn bóng, đập bóng chính diện theo phương lấy đà; giới thiệu một số điều luật cơ bản bóng chuyền.

3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2TC: (LT 25; TH: 5).

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn, nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục đích môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương:

- Phần thứ nhất có 3 chương (từ chương 1 đến chương 3), bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin;

- Phần thứ hai có 3 chương (từ chương 4 đến chương 6), trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa;

- Phần thứ ba có 3 chương (từ chương 7 đến chương 9), trình bày khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC: (LT 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn và 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; tư tưởng về văn hóa, đạo đức, và xây dựng con người mới.

5. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC: (LT 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn và 8 chương (từ chương 1 đến chương 8)

bao quát những nội dung cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội; Bồi dưỡng cho người học niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của người học trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước; Giúp người học vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

6. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý Ngành Giáo dục và Đào tạo

2TC: (LT 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành là môn học cung cấp những hiểu biết về ngành, về Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật, pháp lệnh, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, các khái niệm công sở, công vụ..., định hướng chiến lược giáo dục và đào tạo thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa; Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông; Những quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bậc GDMN, thực tiễn giáo dục địa phương.

7. Tiếng Anh nâng cao

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho người học các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ cận trung cấp. Học phần giúp người học phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (đọc, nghe, nói, viết) ở mức độ cận trung cấp.

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

II.1. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

8. Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non là học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở ngành bằng cách cung cấp các khái niệm, đặc điểm cơ

bản về các hoạt động như: hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động của trẻ ở trường mầm non. Thông qua đó giúp người học xác định được mối liên hệ giữa các đặc điểm, quy luật phát triển tâm lý của trẻ mầm non khi tổ chức các hoạt động giáo dục cơ bản.

9. Giáo dục học mầm non

2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Nội dung học phần giáo dục học mầm non đề cập đến các nội dung cơ bản về: Một số khái niệm của giáo dục học, giáo dục học mầm non, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hoạt động được tổ chức trong trường mầm non như: vui chơi, học tập, lao động; sự ảnh hưởng của hoạt động vui chơi, của trò chơi đối với sự phát triển nhân cách của trẻ từ 0 - 6 tuổi; giới thiệu một số trò chơi, cách tổ chức trò chơi cho trẻ; học phần cũng đề cập đến việc chuẩn bị tâm lý cho trẻ vào trường phổ thông, công tác quản lý nhóm lớp của các giáo viên mầm non. Đây là những cơ sở hết sức quan trọng để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường mầm non.

10. Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm

2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm là học phần được biên soạn nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở, cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về những vấn đề chung như: khái niệm, đặc trưng, vai trò của văn học dân gian đối với trẻ; khái niệm, đặc trưng của văn học thiếu nhi, giới thiệu một số tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi tiêu biểu trong chương trình mầm non; khái niệm, phương pháp, cách thức đọc, kể diễn cảm và vai trò của đọc, kể diễn cảm tác động đến sự tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ.

Học phần này còn cung cấp kiến thức chuyên sâu về các phương pháp, hình thức đọc, kể diễn cảm. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm cho người học ở một số tác phẩm thơ, truyện trong chương trình mầm non. Những kiến thức của học phần Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm giúp người học nắm vững lý thuyết; thành thạo kỹ năng lựa chọn thơ, truyện cũng như kỹ năng đọc, kể diễn cảm trong hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện ở trường mầm non

11. Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN là học phần cơ sở ngành, gồm những nội dung: Giới thiệu tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN; giới thiệu về internet và cách sử dụng một số dịch vụ của internet như: email, tìm kiếm và chia sẻ thông tin; hướng dẫn sử dụng phần mềm MS PowerPoint để xây dựng các bài giảng; sử dụng các phần mềm để tạo, chỉnh sửa, xử lý âm thanh và phim; hướng dẫn sử dụng phần mềm Violet trong việc tạo ra một số trò chơi phục vụ việc tổ chức dạy học cho trẻ ở trường mầm non.

II.2. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

12. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

2TC: (LT:15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm.

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; giáo dục thẩm mỹ cho trẻ thông qua các phương tiện hoạt động tạo hình; nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ mầm non: vẽ, nặn, cắt dán, ghép.

Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN: Vị trí của hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ của trẻ.

13. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của trẻ lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục âm nhạc ở trường mầm non. Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

14. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm.

Học phần Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ giúp người học nắm được: Hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; Quan điểm duy vật biện chứng về mối liên hệ giữa ngôn ngữ với con người và các quy luật phát triển lời nói cho trẻ trước tuổi đến trường phổ thông; Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ từng độ tuổi, nội dung, phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Biết cách tổ chức hoạt động cho trẻ nhận biết tập nói và làm quen chữ cái, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp Một. Qua đó rèn cho người học kỹ năng soạn giảng, vận dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ vào quá trình thực hành sư phạm để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, người học biết vận dụng những tri thức của bộ môn vào việc giảng dạy và rèn luyện, trau dồi năng lực ngôn ngữ để nói, viết tiếng Việt đúng, hay. Từ đó, có lòng yêu quý tiếng mẹ đẻ.

15. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động Làm quen văn học

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm.

Vị trí của văn học trong giáo dục trẻ; văn học dân gian, văn học thiếu nhi trong và ngoài nước. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em. Vai trò của đọc kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ em lứa tuổi mầm non: chất giọng, logic đọc, ngữ điệu, ngắt nghỉ giọng, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lấy hơi. Các thức thể hiện các loại hình văn học: Đọc thơ, đọc và kể chuyện, sân khấu hóa các loại hình văn học.

Nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với văn học: Lập kế hoạch, đánh giá, phương pháp, biện pháp và hình thức đọc thơ, kể chuyện cho trẻ nghe; phương pháp và hình thức dạy trẻ thể hiện các tác phẩm văn học.

16. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán là một học

phần chuyên ngành GDMN được cấu trúc gồm 6 chương với những nội dung cơ bản đó là: Cơ sở lý luận và định hướng của quá trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với toán, hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm, kích thước, hình dạng, sự định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo. Những kiến thức trên hỗ trợ người học vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá trong môn học làm quen với toán nhằm phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

17. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh. **2TC: (LT: 15; TH: 30)**

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Đây là một học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành GDMN cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trẻ mầm non bao gồm: những khái niệm cơ bản, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non về môi trường xung quanh, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và cách hướng dẫn tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Những kiến thức trên giúp người học vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập trong môn học khám phá khoa học về môi trường xung quanh nhằm phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.

18. Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phần giúp người học có hiểu biết rõ ràng về quá trình dạy và học tích cực, hiểu biết về bản chất của dạy học tích cực, sự khác nhau giữa dạy học tích cực và dạy học thụ động, sự khác nhau giữa kế hoạch bài dạy trong dạy học tích cực và giáo án trong dạy học thụ động. Người học được tìm hiểu kĩ các phương pháp dạy học tích cực hiện nay như: phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học hợp tác, phương pháp giáo dục Montessori, phương pháp giáo dục Reggio Emilia... Từ đó, người học có kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực này vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường hứng thú học tập cho trẻ mầm non. Qua học phần, người học sẽ có cơ sở, yêu thích việc đổi mới phương pháp dạy học, góp phần thực hiện công tác chuyên môn hiệu quả và

phát triển nghề nghiệp.

19. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động.

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non, Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

20. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Giới thiệu chương trình GDMN (cách tiếp cận, nguyên tắc và các bước phát triển); phân tích chương trình GDMN. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất).

Phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục: Quan điểm tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình GDMN; cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển chương trình, xây dựng chế độ sinh hoạt và lập kế hoạch giáo dục; các bước phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; yêu cầu và các loại kế hoạch giáo dục trong trường mầm non.

Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN: Áp dụng các phương pháp phù hợp với sự phát triển của trẻ giúp trẻ phát triển trí tò mò, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và tư duy linh hoạt, phát triển thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ. Kiến thức và năng lực tổ chức, thực hiện các hoạt động học tập và giáo dục có ý nghĩa và mang tính tích hợp, xuất phát từ

nhu cầu và hứng thú của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục: Khái niệm (môi trường giáo dục, môi trường vật chất, môi trường xã hội); nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục; các yêu cầu đối với môi trường giáo dục (thẩm mỹ, sư phạm, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ); các bước xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; tạo dựng, đánh giá và lựa chọn học liệu, trang thiết bị, môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

21. Đánh giá trong GDMN 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phần Đánh giá trong GDMN gồm một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (Đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, chương trình GDMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN).

Qua đó hình thành những kỹ năng cơ bản trong việc đánh giá trẻ mầm non; rèn kỹ năng theo dõi, quan sát hành vi của trẻ trong các hoạt động hàng ngày và qua các chủ đề/chủ điểm; trung thực với kết quả đánh giá của trẻ; theo dõi các hoạt động đánh giá trẻ một cách có hệ thống và khoa học; khách quan, công bằng đúng mực đối với mọi trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

II.3. KIẾN THỨC BỔ TRỢ

Bắt buộc

22. Giáo dục hòa nhập 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em mầm non.

Học phần giáo dục hòa nhập cung cấp cho người học những vấn đề chung về trẻ khuyết tật; hình thức giáo dục hòa nhập và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở bậc học mầm non; Có hiểu biết cơ bản về chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non.

Học phần bước đầu giúp người học có khả năng xác định các dạng tật ở trẻ và cách thức (quy trình) tiến hành giáo dục hòa nhập; Biết xây dựng chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Có lòng yêu nghề, yêu trẻ, có hứng thú trong công tác sư phạm; tin tưởng vào khả năng phát triển và hòa nhập xã hội của trẻ khuyết tật, tin vào tính khoa học và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập.

23. Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Không.

Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến là học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như khái niệm, ý nghĩa, quy trình, phương pháp, cách tiến hành, cách đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học Sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm. Thông qua việc nghiên cứu học phần người học có thể biết cách đánh giá hay tự bản thân thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học hay sáng kiến kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy hay quản lý giáo dục trong tương lai.

Tự chọn

24. Quản lý GDMN **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Không.

Quản lý **GDMN** là một học phần chuyên ngành GDMN cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về quản lý trong GDMN bao gồm những khái niệm cơ bản, mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp; khái quát chung về trường mầm non, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, các yêu cầu và nghiệp vụ quản lý của cán bộ quản lý trường mầm non; Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non. Những kiến thức trên giúp người học vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm/lớp mầm non.

25. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.

2TC: (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Giáo dục dinh dưỡng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như: Những vấn đề chung về giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe; nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục dinh dưỡng ở trường mầm non và ở cộng đồng; một số bệnh liên quan trực tiếp đến dinh dưỡng và sức khỏe.

Học xong học phần này người học biết cách tổ chức các hoạt động giáo

dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Biết cách phòng chống một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.

26. Nghề Giáo viên mầm non

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non: đối tượng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. Khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.

Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non: Con đường hình thành phẩm chất và năng lực của giáo viên mầm non. Định hướng, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề giáo viên mầm non.

27. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Dạy trẻ nói tiếng Việt là một hoạt động quan trọng trong giáo dục mầm non. Học phần Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người Dân tộc thiểu số giúp cho sinh viên tiếp cận Chương trình tập nói tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo Dân tộc thiểu số như: Mục tiêu; nội dung - Kế hoạch dạy học; các yêu cầu cần đạt của chương trình tập nói tiếng Việt; phương pháp dạy học; công tác phối hợp giữa gia đình, cộng đồng trong việc dạy tập nói tiếng Việt cho trẻ và cách đánh giá kết quả học tập của trẻ.

Qua đó, giúp sinh viên đáp ứng được với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, đặc biệt tại các vùng khó khăn có nhiều trẻ em người Dân tộc thiểu số sinh sống

II.4. TỐT NGHIỆP

28. Thực tập tốt nghiệp

2TC (TH: 90)

Học phần tiên quyết: Không.

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện

chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

29. Khóa luận tốt nghiệp

4TC

Học phần tiên quyết: Không.

Khóa luận tốt nghiệp là nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo. Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp, nhà trường tổ chức chấm khóa luận và công nhận kết quả hoặc học và thi hết môn hai học phần thay thế thi tốt nghiệp. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên tiến hành một nghiên cứu khoa học về một đề tài trong lĩnh vực giáo dục mầm non. Khóa luận tốt nghiệp tạo cơ hội để sinh viên thực hành khả năng nghiên cứu khoa học và tìm hiểu về một vấn đề mà sinh viên quan tâm

(Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp thì phải học 2 học phần sau)

30. Giao tiếp sư phạm của giáo viên Mầm non

2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không.

Giao tiếp sư phạm của người giáo viên Mầm non là học phần trang bị cho người học những tri thức lý luận về khái niệm, đặc trưng cơ bản của giao tiếp và giao tiếp sư phạm; vai trò của giao tiếp sư phạm đối với sự phát triển nhân cách trẻ mầm non; các giai đoạn trong giao tiếp sư phạm; các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ); các nguyên tắc, phong cách và kỹ năng giao tiếp sư phạm; rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non.

31. Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non trang bị cho người học những hiểu biết sơ giản về nghệ thuật múa, rèn luyện các động tác múa cơ bản cũng như các tri thức và kỹ năng cốt yếu phục vụ cho việc biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non. Học phần được thiết kế gồm 2 chương:

Chương 1: Múa bao gồm: Khái quát về nghệ thuật múa; một số động tác múa dân gian của dân tộc Việt Nam, một số động tác múa hiện đại và điệu nhảy cơ bản.

Chương 2: Phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non bao gồm: Khái niệm về biên soạn; vai trò của việc biên soạn; quy trình biên soạn; thực hành biên soạn một số bài múa cho trẻ.

11. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo, trình độ cao đẳng ngành GDMN, Quyết định số 1310/QĐ-CDKT ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về ban hành Quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành GDMN theo phương thức tích lũy tín chỉ.

11.1. Điểm học phần

11.1.1. Đối với mỗi học phần, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá tối thiểu hai điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

Riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;
- b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;
- c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ theo đúng quy định.

11.1.2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

11.1.3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Những sinh viên làm bài tập lớn không phải dự thi kết thúc học phần, trường hợp này điểm bài tập lớn có trọng số 0,6 và thay thế cho điểm thi kết thúc học phần, điểm thường xuyên có trọng số 0,4;

- Đối với các học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành được quy định trong đề cương chi tiết. Điểm trung bình thực hành là trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ.

- Xếp loại:

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: Từ 8,5 đến 10,0;

B: Từ 7,0 đến 8,4;

C: Từ 5,5 đến 6,9;

D: Từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: Từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: Dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

11.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

11.2.1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học.

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ.

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

11.2.2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Điểm chữ quy đổi sang điểm số tương ứng theo thang từ 0 tới 4.

A: Quy đổi thành 4;

B: Quy đổi thành 3;

C: Quy đổi thành 2;

D: Quy đổi thành 1;

F: Quy đổi thành 0.

11.2.3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm học phần được miễn trừ và học phần điều kiện. Trường hợp sinh viên được tạm hoãn học học phần thì chưa tính khối lượng học tập của học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

- Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất; để xét

điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc học phần có điểm cao nhất.

- Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 học phần điều kiện; kết quả đánh giá 2 học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

11.2.4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

a) Theo thang điểm 4:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

b) Theo thang điểm 10:

Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;

Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;

Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;

Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;

Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;

Dưới 4,0: Kém.

11.2.5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;

b) Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;

c) Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$.

12. Định hướng phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá

12.1. Định hướng phương pháp dạy học

- Sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học có nhiều tác dụng khơi dậy hoạt động tích cực của người học, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu như: Xêmina, bài tập nghiên cứu, góp ý giúp đỡ cá nhân/nhóm...

- Thông qua việc dạy các học phần, chú ý thích đáng việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp học như: kỹ thuật tự học, kỹ thuật làm việc nhóm và hợp tác, kỹ thuật sáng tạo...

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học	Mục đích
Diễn giảng/ giảng giải, thuyết trình, phân nhóm, tổng hợp	Cung cấp và mở rộng cho người học hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic. Hướng cho người học cách sử dụng phương pháp thuyết trình để trình bày một vấn đề, một kỹ năng trong bài học; phân tích, tổng hợp các vấn đề nhằm hướng đến mục tiêu dạy học.
Đàm thoại, vấn đáp, thảo luận, giao tiếp	Thông qua giờ học GV căn cứ vào nội dung bài học khéo léo đặt ra câu hỏi để người học căn cứ vào kiến thức đã có kết hợp với sự hướng dẫn của GV qua các thiết bị giảng dạy để làm sáng tỏ vấn đề, tìm ra những tri thức mới; nhằm củng cố, mở rộng, đào sâu những tri thức đã tiếp thu được, từ đó tổng kết hệ thống hóa tri thức. Giúp GV thu hút được tín hiệu ngược lại từ người học một cách nhanh chóng để kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình. Thông qua đó GV vừa có khả năng chỉ đạo nhận thức toàn lớp vừa chỉ đạo nhận thức của từng người học.
Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề	Tạo ra năng lượng tích cực trên giờ học, GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển người học phát hiện vấn đề

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học	Mục đích
đề, bài tập tình huống, đóng vai	đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể. Có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác.
Sử dụng tài liệu, trực quan, làm mẫu	Giúp người học có thể tiếp nhận bằng mắt, hiểu được những đơn vị kiến thức bằng quan sát các sơ đồ và củng cố, khái quát hóa tri thức cho người học. Mặt khác, giúp người học tiếp cận với các học liệu liên quan đến hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt của trẻ, sơ đồ hóa, hệ thống kiến thức, video, giáo án tham khảo của GVMN, quan sát thực tế các hoạt động do GVMN tổ chức tại các trường mầm non.
Dạy học hợp tác (thảo luận nhóm, Xêmina, trò chơi)	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa người dạy và người học, giữa các cá nhân để làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Giúp người học nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, lập kế hoạch, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học.
Thực hành (tham quan, đi thực tế), luyện tập	Giúp người học hệ thống lại kiến thức đã học; thực hành phát triển các kỹ năng cần thiết của môn học. Hình thức tổ chức tham quan, đi thực tế có tác dụng rèn luyện khả năng quan sát, phân tích và mở rộng tầm hiểu biết về thực tiễn dạy học tại các trường mầm non cho người học.
Bài tập lớn, nghiên cứu khoa học/ sáng kiến kinh nghiệm, giao nhiệm vụ, hướng dẫn học	Giúp người học tìm hiểu, quan sát, thí nghiệm... dựa trên những số liệu, dữ liệu, tài liệu thu thập được để phát hiện ra bản chất, quy luật chung của sự vật, hiện tượng, tìm ra những kiến thức mới hoặc tìm ra những ứng dụng kỹ thuật mới, những mô hình mới có ý nghĩa thực tiễn. Giúp người học tính năng động, sáng tạo, năng lực tự

Phương pháp, hình thức tổ chức đạy - học	Mục đích
	học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay.

Các phương pháp dạy học như: thuyết trình, đàm thoại/ phát vấn, thảo luận nhóm/ semina, giảng giải, làm mẫu/ thị phạm, thực hành, bài tập tình huống, giao nhiệm vụ/ hướng dẫn học, luyện tập, đóng vai, trò chơi, giao tiếp... góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện ở bảng sau:

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
1	Thuyết trình	x	x	x	x	x		x	x	x		
2	Đàm thoại/ phát vấn	x	x	x	x	x		x	x	x		
3	Thảo luận nhóm, semina	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Giảng giải/ diễn giảng	x	x	x	x			x	x			
5	Làm mẫu/ thị phạm,		x	x	x		x		x		x	

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
	trực quan											
6	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Bài tập tình huống		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Giao nhiệm vụ/ Hướng dẫn học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Luyện tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Đóng vai	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
11	Trò chơi	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
12	Giao tiếp		x						x			
13	Bài tập lớn (nghiên cứu khoa học)	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
14	Phát hiện và giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

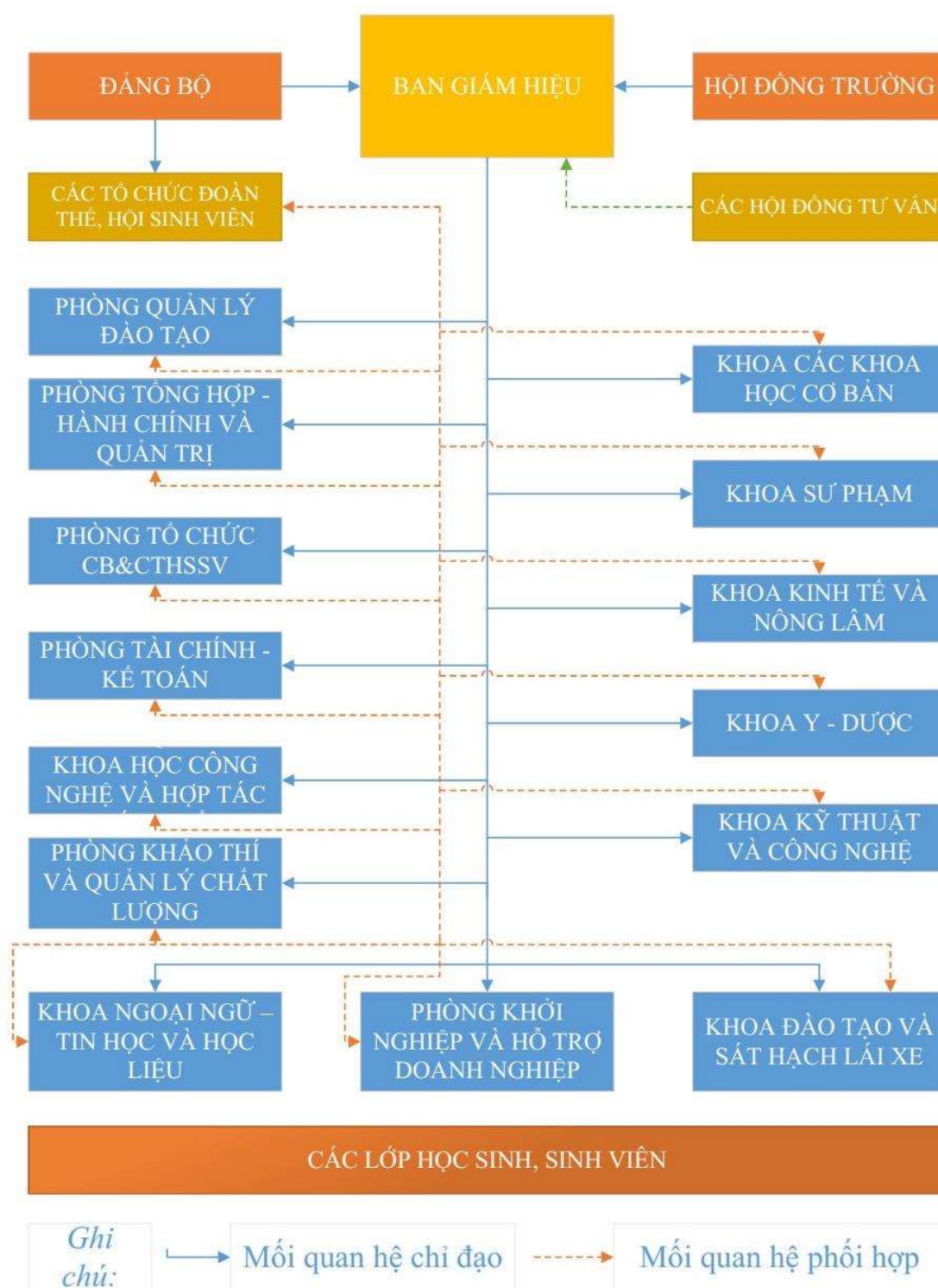
12.2. Định hướng phương pháp kiểm tra đánh giá

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: Tự luận, bài tập lớn, trắc nghiệm, thực hành, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm/ cá nhân, viết báo cáo, thực tập... góp phần thực hiện Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo, thể hiện ở bảng sau:

TT	Phương pháp kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
1	Tự luận	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
2	Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Trắc nghiệm	x	x	x	x				x			
4	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Bài tập cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Thuyết trình nhóm/ cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Viết báo cáo	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

13. Cơ cấu tổ chức, đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị

13.1. Cơ cấu tổ chức



13.2. Đội ngũ giảng viên thực hiện Chương trình

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
I	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương				

TT	Họ và tên giảng viên	Năm	Giảng dạy môn	Trình	Đơn vị
1	Hoàng Văn Vỹ	1983	Giáo dục thể chất	Cử nhân	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Châu	1983		Cử nhân	
2	Lê Thị Thanh Hòa	1976	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lenin	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Lê Thị Hoan	1977		Thạc sĩ	
3	Lê Thị Hoan	1977	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Lê Thị Thanh Hòa	1976		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
4	Vũ Thị Hằng Nga	1982	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Lê Thị Hoan	1977		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
5	Trương Thị Hiếu	1984	Tiếng Anh nâng cao	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Thu Hoài	1977		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
6	Hoàng Văn Chi	1977	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành				

TT	Họ và tên giảng viên	Năm	Giảng dạy môn	Trình	Đơn vị
7	Nguyễn Thị Cúc	1982	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Võ Đại Nam Anh	1967		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
8	Hoàng Văn Chi	1977	Giáo dục học mầm non	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
9	Lê Thùy Ánh Tiết	1984	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Lê Thị Ngọc	1985		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
10	Trần Thị Ngọc Hà	1976	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Lành	1977		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
II.2	Kiến thức chuyên ngành				
11	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Thu Hà	1975		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
12	Trần Thị Phượng	1983	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
13	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Lí luận và	Thạc	Cao đẳng

TT	Họ và tên giảng viên	Năm	Giảng dạy môn	Trình	Đơn vị
			phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	sĩ	Kon Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
14	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Trần Thị Phụng	1983	Làm quen văn học	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
15	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996	làm quen với toán	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
16	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1983	KPKH về môi trường xung quanh	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
17	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Những phương pháp giáo dục tích cực trong GDMN	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Trần Thị Phụng	1983		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
18	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1978			
19	Trần Thị Phụng	1983	Phát triển và tổ chức thực hiện	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum

TT	Họ và tên giảng viên	Năm	Giảng dạy môn	Trình	Đơn vị
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	chương trình giáo dục MN	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
20	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Đánh giá trong GDMN	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
II.3	Kiến thức bổ trợ				
	Bắt buộc				
21	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Giáo dục hòa nhập	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
22	Lê Thị Ngọc	1985	Phương pháp NCKH sư phạm	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982	ứng dụng và sáng kiến	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần sau)				
23	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Quản lí GDMN	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1978		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
24	Trương Thị Minh Nguyệt	1979	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Trần Thị Phụng	1983		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum

TT	Họ và tên giảng viên	Năm	Giảng dạy môn	Trình	Đơn vị
II.4	Tốt nghiệp (thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 học phần thay thế KLTN)				
25	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Nghề giáo viên mầm non	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
26	Lê Thùy Ánh Tiết	1984	Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Lê Thị Ngọc	1985		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
27	Trương Thị Minh Nguyệt	1979	Thực tập tốt nghiệp	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Lê Thị Ngọc	1985		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
28	Nguyễn Thị Cúc	1982	Giao tiếp sư phạm của người GVMN	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Võ Đại Nam Anh	1967		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
29	Trần Thị Phụng	1983	Múa và phương pháp biên soạn các bài múa cho trẻ mầm non	Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	Cao đẳng Kon Tum

13.3. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện Chương trình

- Có phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm để người học thực hành một số nội dung môn học.
- Phòng thực hành của khoa được trang bị 1 ti vi và đã được nối mạng Internet đảm bảo cho các bài dạy bằng giáo án điện tử.

- Phòng thực hành chuyên môn: được trang bị tủ đựng đồ dùng dạy học và một số đồ dùng phục vụ cho người học rèn kỹ năng của các học phần kiến thức chuyên ngành.

- Thư viện: Đảm bảo các đầu sách chuyên ngành và tham khảo để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập của người dạy và người học.

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình Giáo dục Mầm non hệ cao đẳng được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Quyết định số 1982/TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non.

- Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10-04-2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN.

- Quyết định số 1310/QĐ-CDKT ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum về việc ban hành đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành GDMN theo phương thức tích lũy tín chỉ.

- Quyết định số 275/QĐ-CDCEĐ ngày 05/4/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định xây dựng, cập nhật, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (liên thông từ trung cấp lên cao đẳng) trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo ngành Giáo dục Mầm non với thời lượng 1,5 năm.

Nhà trường sẽ thường xuyên điều chỉnh, bổ sung Chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo.

Khi thực hiện Chương trình cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

14.1. Đối với khoa Sư phạm và các Bộ môn

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Trên cơ sở chương trình đào tạo, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được nhà trường thông qua.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn người học;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

14.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho người học trước một tuần để chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Chú trọng các phương pháp tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của người học.

14.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của người học, kể cả ở trên lớp và ở nhà;

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức

thi cử, kiểm tra và đánh giá.

14.4. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập và giảng viên để lựa chọn phương pháp học tập phù hợp;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong hoạt động tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá./.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải